

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu)

**Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV In và Thương mại Thông tấn xã VN**  
**Năm báo cáo: 2017**

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Những sự kiện quan trọng**

-Việc thành lập : Công ty TNHH MTV In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam-Vinadataxa (gọi tắt là “Công ty”) có trụ sở chính đặt tại 70/342 Khương Đình, Hà Đình, Thanh Xuân, Hà Nội, được thành lập do sáp nhập Công ty Tin học - Thông tấn xã Việt Nam vào Xí nghiệp In I - Thông tấn xã Việt Nam và được đổi tên thành Công ty In Thương mại Thông tấn xã Việt Nam theo Quyết định số 249/QĐ-TTX (TCCB) ngày 5/4/2005 của Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam. Công ty In Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam theo quyết định số 376/QĐ-TTX ngày 15/04/2011 của Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam. Công ty TNHH MTV In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000485 ngày 9/4/1993 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy số 0100107860 ngày 24/7/2017.

- Vốn điều lệ: 127.236.075.566 đ

**2. Quá trình phát triển**

**- Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp:**

+ Tổ chức sản xuất in các bản tin, tài liệu, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng tốt nhất phục vụ nhiệm vụ thông tin tuyên truyền của Ngành và theo các nhu cầu của các tổ chức, cá nhân ngoài Ngành, tổ chức sản xuất in theo đúng các quy định của pháp luật.

+ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in theo đúng các quy định của pháp luật, bảo đảm kinh doanh có lãi.

+ Bảo toàn, phát triển vốn do Nhà nước giao, tự trang trải các khoản vay tín dụng theo đúng các quy định pháp luật.

+Tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam và Luật pháp Quốc tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

**- Mục tiêu kinh doanh :**

+ Đáp ứng tối đa các yêu cầu ngày càng cao trong việc sản xuất in các ấn phẩm phục vụ nhiệm vụ thông tin tuyên truyền của Ngành và thị trường.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, bảo đảm lợi nhuận tối đa và kinh doanh có lãi.

+ Bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Nhà nước.

+ Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, quan tâm thường xuyên đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

+ Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

- **Ngành, nghề kinh doanh chính:** Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất in : in báo , tạp chí, sách, tờ rơi, catalog giới thiệu sản phẩm, văn hóa phẩm ... và kinh doanh vật tư ngành in chủ yếu là mặt hàng giấy in.

- **Quy chế hoạt động:**

+ Điều lệ Công ty

+ Quy chế quản lý tài chính

+ Quy chế quản lý nợ

+ Quy chế chi tiêu nội bộ

+ Quy chế lương

+ Hệ thống ISO 9001: 2008

+ Quy chế quản lý kho

### **3. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả , có lợi nhuận; bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Nhà nước; hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; đảm bảo việc làm , thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định và quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh như hiện tại. Công ty sẽ đầu tư thêm máy in mới với công nghệ hiện đại, phù hợp với thị trường Việt Nam và nhu cầu của khách hàng để đáp ứng nhu cầu cung cấp các ấn phẩm chất lượng cao, mẫu mã phong phú, đa dạng... cho xã hội. Bên cạnh đó, Công ty sẽ từng bước tiếp cận thị trường in bao bì và in gia công xuất khẩu.

## **II. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- Tổng tài sản : 208.115.019.161 đ

- Vốn chủ sở hữu : 127.761.829.335đ

- Doanh thu : 284.719.032.033 đ

- Lợi nhuận trước thuế : 4.564.175.178 đồng.

- Hàng tồn kho : 35.712.575.760 đ

- Các khoản phải thu : 55.581.292.594 đ

- Các khoản phải trả : 80.353.189.826

## **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Sản lượng sản xuất in năm 2017 giảm 0,3% so với cùng kỳ 2016 , sản lượng hàng bán tăng 10 % so với cùng kỳ năm 2016.

Doanh thu năm 2017 so với cùng kỳ 2016 tăng 14% đạt 284,7 tỷ đồng, so với kế hoạch cả năm 2017 đạt 112%. Trong đó doanh thu thương mại chiếm 63%, sản xuất in 37%.

Do khan hiếm về bột giấy trên thị trường trong và ngoài nước nên giá đầu vào mặt hàng kinh doanh nhập khẩu có xu hướng tăng vào những tháng cuối năm, tuy nhiên tỷ giá ngoại tệ lại ổn định nên giá vốn hàng bán ổn định. Chi phí lãi vay năm 2017 tăng 150% so với năm 2016 do 6 tháng đầu năm lượng hàng tồn kho cao.

Mặc dù sản lượng và doanh thu đều tăng mạnh nhưng chỉ tiêu lợi nhuận năm nay chỉ tăng 6% so với cùng kỳ 2016 và 1,4% so kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá khi thanh toán của Dự án đầu tư máy in Hedelberg 5 màu CD102 công ty thực hiện trong quý 1 và 2 năm 2017, số tiền chênh lệch tỷ giá là 1,249 tỷ đồng.

Khả năng thanh khoản của Công ty cao, lượng tiền mặt tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp, đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

## **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện dự án “Tăng cường năng lực in, gia công sản phẩm sau in, vận chuyển nội bộ và XDCB giai đoạn 2016-2017” nhằm nâng cao năng lực sản xuất in. Các hệ thống hạng mục máy móc thiết bị trong dự án đầu tư được thực hiện bằng nguồn vốn tự có của Công ty. Tổng đầu tư trong năm là 26,35 tỷ đồng.



## **4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.**

### **\* Thuận lợi :**

- Các loại vật tư chủ yếu như giấy, mực, kẽm .. trong năm qua không có nhiều đột biến về giá cả, tương đối ổn định.

- Công ty về cơ bản vẫn duy trì được mạng lưới khách hàng cũ, nhờ làm tốt công tác tiếp thị nên đã thu hút thêm được một số khách hàng và nguồn công việc mới.

- Tỷ trọng công việc in sách, cuốn hướng dẫn sử dụng ngày càng tăng.

- Ban Giám đốc Công ty cùng đội ngũ cán bộ quản lý điều hành có nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thực hành triệt để việc tiết kiệm, quản trị chi phí có hiệu quả để giảm giá thành sản xuất.

### **\* Khó khăn**

- Sự phát triển của các loại truyền thông số, trực tuyến... đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến các sản phẩm in giấy truyền thống, đặc biệt là báo, tạp chí... dẫn đến số lượng in ngày càng sụt giảm

- Cạnh tranh trên thị trường in tiếp tục gay gắt, do việc ngày càng có nhiều doanh nghiệp in tư nhân tham gia thị trường, dẫn đến việc cạnh tranh về giá công in ngày càng khốc liệt, giá công in có xu hướng giảm.

- Mặt bằng sản xuất của Công ty còn hạn hẹp, được thiết kế chưa phù hợp với đặc thù doanh nghiệp sản xuất in... cũng có ảnh hưởng nhất định đến chi phí sản xuất, tiến độ giao hàng và cả chất lượng sản phẩm.

- Công tác tuyển dụng lao động là công nhân trực tiếp sản xuất khó khăn

**5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).**

### **III. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

#### **1. Về việc báo cáo tài chính**

- Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ: Tuân thủ theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam, nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam ban hành tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Tình hình kiểm toán nội bộ: Không có hệ thống kiểm toán nội bộ

#### **2. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán An Việt

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Vinadata tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các nhận xét đặc biệt.

#### **3. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến kiểm toán nội bộ.

- Các nhận xét đặc biệt.

## V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Chủ tịch công ty

**BIỂU SỐ 3: THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

| TT               | Họ và tên            | Năm sinh | Chức danh                      |                            | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm nghề nghiệp                 | Các vị trí quản lý đã nắm giữ                     | Công việc quản lý được giao       |
|------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|
|                  |                      |          | Chức danh tại doanh nghiệp     | Chức danh tại công ty khác |                      |                     |                                         |                                                   |                                   |
| I. Giám đốc      |                      |          |                                |                            |                      |                     |                                         |                                                   |                                   |
| 1                | Hoàng Tuấn Minh      | 1982     | Giám đốc                       | Không                      | A                    | Kỹ sư               | Quản lý sản xuất in                     | -Quản đốc<br>-Phó Giám đốc phụ trách<br>-Giám đốc | Quản lý và điều hành doanh nghiệp |
| II. Phó Giám đốc |                      |          |                                |                            |                      |                     |                                         |                                                   |                                   |
| 1                | Nguyễn Thị Thu Hương | 1976     | Phó Giám đốc<br>Kế toán trưởng | Không                      | A                    | Cử nhân kinh tế     | -Quản lý tài chính<br>-Kế toán tổng hợp | -Kế toán trưởng<br>-Phó Giám đốc                  | Quản lý tài chính                 |

### 2. Kiểm soát viên : Vũ Thị Vân

### 3. Thù lao và lợi ích của Chủ tịch công ty và Ban Giám đốc

Lương, thưởng, cho Ban giám đốc:

- Hoàng Tuấn Minh : 486.000.000 đ
- Nguyễn Thị Thu Hương : 425.280.000 đ

### 4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

### 5. Về quản lý rủi ro

### 6. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

- Công ty vận dụng Nghị định số 153/2016/NĐ-CP Quy định mức lương tối thiểu vùng, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống bảng lương, thang lương và phụ cấp lương của các công ty Nhà nước để xếp lương cơ bản cho người lao động.
- Công tác quản lý lao động, tiền lương phải đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, gắn với mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.
- Việc trả lương cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của đơn vị và mức độ đóng góp của người lao động theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Người lao động làm công việc gì thì được trả lương theo công việc đó. Khi thay đổi công việc, chức vụ thì hưởng lương theo công việc, chức vụ mới. Trả lương, thưởng phải thật sự là động lực khuyến khích động viên NLD không ngừng phấn đấu tăng



năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Quỹ tiền lương để trả cho NLĐ phụ thuộc số lượng và chất lượng sản phẩm hoàn thành, đơn giá thanh toán ứng với mỗi sản phẩm. Tiền lương trả cho người lao động phụ thuộc vào năng suất, chất lượng hiệu quả làm việc của mỗi người.

- Gắn chính sách tiền lương với mục tiêu tinh giảm lao động, hợp lý hóa cơ cấu và chất lượng lao động. Có chính sách đãi ngộ khuyến khích đối với lao động có trình độ kỹ thuật cao, người quản lý giỏi và thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ.

- Tiền lương chỉ để trả cho người lao động trong Công ty, không dùng để sử dụng vào các công việc khác.

#### BIỂU SỐ 4: BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN

| Số TT      | Chỉ tiêu                                                         | Đơn vị tính    | Năm 2017 |           | Năm 2018 |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|----------|-----------|----------|
|            |                                                                  |                | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch |
| (1)        | (2)                                                              | (3)            | (4)      | (5)       | (6)      |
| <b>I</b>   | <b>Hạng công ty được xếp</b>                                     |                | 2        | 2         | 2        |
| <b>II</b>  | <b>Tiền lương của lao động</b>                                   |                |          |           |          |
| 1          | Lao động                                                         | Người          | 160      | 160       | 160      |
| 2          | Mức tiền lương bình quân                                         | 1.000đ/tháng   | 11.059   | 11.582    | 11.755   |
| 3          | Quỹ tiền lương                                                   | Tr.đồng        | 21.233   | 22.237    | 22.571   |
| 5          | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Tr.đồng        | 2.000    | 1.722     | 2.000    |
| 6          | Thu nhập bình quân                                               | 1.000đ/tháng   | 12.101   | 12.479    | 12.797   |
| <b>III</b> | <b>Tiền lương của người quản lý</b>                              |                |          |           |          |
| 1          | Số người quản lý doanh nghiệp                                    | Người          | 2        | 2         | 2        |
| 2          | Mức lương cơ bản bình quân                                       | Tr. đồng/tháng | 22,5     | 22.5      | 22.5     |
| 3          | Quỹ tiền lương                                                   | Tr.đồng        | 810      | 810       | 810      |
| 4          | Mức tiền lương bình quân                                         | Tr.đồng/tháng  | 33,5     | 33.5      | 33.5     |
| 5          | Quỹ tiền thưởng                                                  | Tr.đồng        | 101,25   | 101,25    | 101,25   |
| 6          | Tiền thưởng, thu nhập                                            | Tr.đồng        |          |           |          |
| 7          | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý                     | Tr.đồng/tháng  | 37,97    | 37,97     | 37,97    |

#### VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.



Hoàng Tuấn Minh